

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27 – 5 – 2021

*V/v tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Tư**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Nguyễn Dạ Thảo**

2. Ông **Huỳnh Tuấn Cường**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Huỳnh Thị Kim Ni** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:*** Bà **Đoàn Thị Kim Tuyền** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2020/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2020 về việc: *tranh chấp xin ly hôn*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Thạch Lý S, sinh năm 1978; nơi cư trú: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt).

- Bị đơn: Bà A, sinh năm 1979; nơi cư trú: 141 Burton Road Paralowie 5108 South Australia. (Vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn *Thạch Lý S* trình bày: Thông qua mai mối và sau thời gian tìm hiểu thì ông *Thạch Lý S* và bà *A* tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh *Vĩnh Long*, Việt Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/7/2010. Sau khi hết hôn, ông *Thạch Lý S* sang *Australia* sinh sống cùng với bà *A*. Trong thời gian sống chung, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, tuy ở chung nhà nhưng vợ chồng đã ly thân. Đến ngày 15/3/2015 ông *Thạch Lý S* trở về Việt Nam, còn bà *A* vẫn sinh sống tại *Australia*. Qua trao đổi thì bà *A* đồng ý ly hôn với ông *Thạch Lý S*. Nhận thấy cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên ông *Thạch Lý S* yêu cầu được ly hôn với bà *A*.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh *Vĩnh Long* trình bày:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn: đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn: Vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông *Thạch Lý S*. Cho ông *Thạch Lý S* được quyền ly hôn với bà *A*. Về con chung, về tài sản chung: Ông *Thạch Lý S* không yêu cầu nên không giải quyết. Ông *Thạch Lý S* phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ hôn nhân giữa ông Thạch Lý S và bà A là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại Điều 126 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn giữa công dân Việt Nam với đương sự là người nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam.

Ngày 30/10/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long có công văn số 118/TTTPDS-TA61 gửi Bộ Tư pháp về việc tương trợ tư pháp để tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà A.

Ngày 24/02/2021 Bộ Tư pháp có công văn số 427/BTP-PLQT trả lời về việc kết quả ủy thác tư pháp với nội dung: Không thực hiện được hồ sơ ủy thác tư pháp do không có người nhận tại địa chỉ được yêu cầu.

Ngày 15/3/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long có thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ lần 1 yêu cầu ông Thạch Lý S cung cấp địa chỉ khác của bà A do không thực hiện được việc tổng đạt cho bà A theo địa chỉ trước đây nguyên đơn đã cung cấp. Tuy nhiên, ông Thạch Lý S có bảng tường trình về việc không cung cấp được địa chỉ khác của bà A và yêu cầu Tòa án đăng tin thông báo đối với bà A trên Đài tiếng nói Việt Nam (VOV5).

Ngày 05/4/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long có công văn số 52/TATND-CV gửi Ban đối ngoại - Đài tiếng nói Việt Nam đề nghị đăng tin thông báo cho bị đơn A 03 lần trong 03 ngày liên tiếp nội dung thông báo cho bà A đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long dự phiên họp hòa giải và công khai chứng cứ vào ngày 21/4/2021, nếu bà A vắng mặt, Tòa án sẽ mở lại phiên họp vào ngày 04/5/2021; phiên tòa xét xử vụ án sẽ được mở vào ngày 14/5/2021, nếu bà A vắng mặt Tòa án sẽ mở lại phiên tòa vào ngày 27/5/2021 nhưng những lần nêu trên bà A đều vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử vắng mặt bà A theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Thạch Lý S có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Ông Thạch Lý S và bà A tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ngày 21/7/2010. Sau khi hết hôn, ông Thạch Lý S sang Australia sinh sống cùng với bà A. Trong thời gian sống chung, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, tuy ở chung nhà nhưng vợ chồng đã ly thân. Đến ngày 15/3/2015 ông Thạch Lý S trở về Việt Nam, còn bà A vẫn sinh sống tại Australia. Nhận thấy cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên ông Thạch Lý S yêu cầu được ly hôn với bà A.

Xét ông Thạch Lý S và bà A không còn quan tâm nhau, không chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình, hiện nay ông Thạch Lý S sống ở Việt Nam còn bà A sống ở Australia, cả hai không còn liên lạc với nhau, do ông Thạch Lý S và bà A vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cho ông Thạch Lý S ly hôn với bà A là đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung, con chung: Không có yêu cầu, nên Tòa án không xem xét.

2.3. Lệ phí ủy thác tư pháp, chi phí ủy thác tư pháp thực tế và chi phí đăng tin thông báo: Ông Thạch Lý S phải chịu toàn bộ lệ phí ủy thác tư pháp, chi phí ủy thác tư pháp thực tế và chi phí đăng tin thông báo.

2.4. Về án phí: Ông Thạch Lý S phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Điều 227, Điều 228, Điều 469, Điều 477, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Thạch Lý S.

- Về hôn nhân: Cho ông Thạch Lý S được ly hôn với bà A.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, nên không xem xét.

- Về án phí: Ông Thạch Lý S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003178 ngày 19/10/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, ông Thạch Lý S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Lệ phí ủy thác tư pháp và chi phí ủy thác tư pháp thực tế: Ông Thạch Lý S phải chịu toàn bộ lệ phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) và chi phí ủy thác tư pháp thực tế là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) được khấu trừ số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) và 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) ông Thạch Lý S đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0003207, 0003206 ngày 26/11/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, ông Thạch Lý S đã nộp xong.

- Chi phí đăng tin thông báo: Ông Thạch Lý S phải chịu toàn bộ chi phí đăng tin thông báo là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), ông Thạch Lý S đã nộp xong.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà A vắng mặt được quyền

kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TANDCC: 01b;
- Chánh án TAND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02b;
- Cục THA.DS tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- Phòng Hộ tịch - Sở Tư Pháp tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- Đường sự: 02b;
- Lưu: 04b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Tư**